

Số: /GPMT-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 174/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Yên Bái (trước sáp nhập) về việc thành lập Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường Dự án Nhà máy công nghiệp quốc tế Lâm Phong;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư Lâm Phong tại Văn bản số 08/CV-LP ngày 01 tháng 04 năm 2025 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án Nhà máy công nghiệp quốc tế Lâm Phong và Văn bản số 179/CV-LP ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án Nhà máy công nghiệp quốc tế Lâm Phong (sau chỉnh sửa, bổ sung) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 444/TTr-SNNMT, ngày 12 tháng 12 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư Lâm Phong, địa chỉ tại Khu công nghiệp Minh Quân, tỉnh Lào Cai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với Dự án Nhà máy công nghiệp quốc tế Lâm Phong các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy công nghiệp quốc tế Lâm Phong.
 1.2. Địa điểm hoạt động: Khu công nghiệp Minh Quân, tỉnh Lào Cai.
 1.3. Quyết định số 1078/QĐ-BQLCKCN ngày 21/9/2021 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Quyết định số 1002/QĐ-BQLCKCN cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 30/9/2022. Quyết định số 74/QĐ-BQLCKCN cấp thay đổi lần thứ hai ngày 08/7/2024.

1.4. Mã số thuế: 5200918741.

1.5. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất ván lát sàn SPC và tủ bếp.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích sử dụng đất: 69.698,5 m².
 - Nhóm dự án (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*): nhóm B

- Dự án đầu tư thuộc nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất:

+ Sản phẩm ván lát sàn SPC: 500.000 m²/năm;

+ Sản phẩm tủ bếp: 100.000 bộ /năm (tương đương 8.200 m³/năm).

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Sản xuất tủ bếp: Gỗ tấm, gỗ dán → Cắt theo kích thước → Khoan lỗ, tạo hình → Chà nhám → Phun sơn (sơn AC, UV) → Đóng gói.

+ Sản xuất ván lát sàn SPC: Nguyên liệu → Máy trộn → Hệ thống đùn ép → Lên khuôn thành hình → Dán mặt → Dập vân bề mặt → Cắt bằng lực → Sơn UV → Cắt rãnh, vát cạnh → Đóng gói.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm

theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đơn vị được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư Lâm Phong có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân phường Âu Lâu và các sở, ngành có liên quan nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình triển khai nếu dự án có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, chủ đầu tư phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày..... tháng năm 2035).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh tổ chức kiểm tra thực tế công trình xử lý chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm; việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án Nhà máy công nghiệp quốc tế Lâm Phong theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Thành Sinh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (03 bản);
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân phường Âu Lâu, tỉnh Lào Cai;
- Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư Lâm Phong (01 bản);
- CVP, Phó CVP UBND tỉnh (độc lập);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Lào Cai (để công khai);
- Lưu: VT, TNMT (Oanh).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Phước

PHỤ LỤC 1:

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Trong quá trình thi công xây dựng dự án

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh từ 02 nhà vệ sinh lưu động.
- Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình rửa xe vận chuyển vật liệu xây dựng, rửa thiết bị thi công.

1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

1.2.1. Dòng nước thải số 1 (tương ứng với nguồn số 1): Nước thải sinh hoạt phát sinh tại 02 nhà vệ sinh lưu động được lưu giữ trong bồn chứa và định kỳ thuê đơn vị chức năng đem đi xử lý (không xả ra ngoài môi trường).

1.2.2. Dòng nước thải số 2 (tương ứng với nguồn số 2)

Nước thải sau khi lắng tại hố lắng được tái sử dụng để xịt rửa xe hoặc tưới ẩm các tuyến đường trong khu vực dự án, không xả ra ngoài môi trường.

2. Trong quá trình vận hành dự án

2.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt khu vực nhà điều hành của khu xưởng sản xuất tủ bếp.
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt khu vực nhà vệ sinh công nhân của khu xưởng sản xuất tủ bếp.
- Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt khu vực nhà ăn của khu xưởng sản xuất tủ bếp.
- Nguồn số 4: Nước thải sinh hoạt khu vực nhà ký túc xá chuyên gia của khu xưởng sản xuất tủ bếp.
- Nguồn số 5: Nước thải sinh hoạt khu vực nhà bảo vệ của khu xưởng sản xuất tủ bếp.
- Nguồn số 6: Nước thải sinh hoạt khu vực bếp ăn của khu xưởng sản xuất tủ bếp.
- Nguồn số 7: Nước thải sinh hoạt khu vực nhà điều hành của khu xưởng sản xuất ván lát sàn SPC.
- Nguồn số 8: Nước thải sinh hoạt khu vực nhà vệ sinh công nhân của khu xưởng sản xuất ván lát sàn SPC.

- Nguồn số 9: Nước thải sinh hoạt khu vực nhà ăn của khu xưởng sản xuất ván lát sàn SPC.

- Nguồn số 10: Nước thải sinh hoạt khu vực nhà ký túc xá chuyên gia của khu xưởng sản xuất ván lát sàn SPC.

- Nguồn số 11: Nước thải sinh hoạt khu vực nhà bảo vệ của khu xưởng sản xuất ván lát sàn SPC.

- Nguồn số 12: Nước thải sinh hoạt khu vực bếp ăn của khu xưởng sản xuất ván lát sàn SPC.

- Nguồn số 13: Nước thải từ hệ thống buồng xử lý bụi sơn màng nước của khu xưởng sản xuất tủ bếp.

- Nguồn số 14: Nước thải từ hoạt động xử lý bụi, khí thải lò đốt của khu xưởng sản xuất ván lát sàn SPC

- Nguồn số 15: Nước thải xả đáy nồi hơi của khu xưởng sản xuất ván lát sàn SPC.

2.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.2.1. Dòng nước thải số 1 (tương ứng với nguồn số 1, 2, 3, 4, 5, 6): Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung số 1 của dự án.

- Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung số 1 theo đường ống về 01 bể chứa nước thải kích thước 3m x 2m x 1,7m.

- Nước thải sau đó được tuần hoàn tái sử dụng phục vụ tưới cây, tưới ẩm đường trong phạm vi dự án, không xả ra ngoài môi trường.

2.2.2. Dòng nước thải số 2 (tương ứng với nguồn số 7, 8, 9, 10, 11, 12): Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung số 2 của dự án.

- Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung số 2 theo đường ống về 01 bể chứa nước thải kích thước 3m x 2m x 1,7m.

- Nước thải sau đó được tuần hoàn tái sử dụng phục vụ tưới cây, tưới ẩm đường trong phạm vi dự án, không xả ra ngoài môi trường.

2.2.3. Dòng nước thải số 3 (tương ứng với nguồn số 13): Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất tập trung số 1 của dự án.

- Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất tập trung số 1 theo đường ống về 01 bể chứa nước thải kích thước 3m x 2m x 1,7m.

- Nước thải sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng cấp cho hệ thống dập bụi phun sơn màng nước tại buồng phun sơn của dây chuyền sản xuất tủ bếp, không xả ra ngoài môi trường.

2.2.4. Dòng nước thải số 4 (tương ứng nguồn số 14, 15): Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất tập trung số 2 của dự án.

- Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất tập trung số 2 theo đường ống về 01 bể chứa nước thải kích thước 3m x 2m x 1,7m.

- Nước thải sau xử lý được tuần hoàn tái sử dụng cấp cho hệ thống lò hơi và

hệ thống xử lý bụi, khí thải lò đốt của dây chuyền sản xuất ván lát sàn SPC, không xả ra ngoài môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Trong giai đoạn thi công dự án

1.1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nước mưa chảy tràn: Bố trí hệ thống rãnh đào thoát nước tạm thời (*kích thước rộng 0,3 x sâu 0,3m, tổng chiều dài khoảng 1.000m*), dọc theo tuyến rãnh sẽ bố trí các hố ga lắng cặn (*kích thước mỗi hố rộng 1,0m x sâu 1,0m x dài 1,0m*). với khoảng cách trung bình 50m/hố ga để lắng cặn trước khi chảy ra hệ thống cống thoát nước của Khu công nghiệp.

- Nước thải thi công: Bố trí rãnh đào tràn thoát nước bao quanh khu vực xây dựng dự án (*kích thước dài 600m x rộng 0,6m x sâu 0,6m*), trên tuyến rãnh bố trí các hố thu (*kích thước dài 0,8m x rộng 0,8m x sâu 1,0m; khoảng cách trung bình giữa các hố 40m*), tại điểm cuối rãnh bố trí 01 hố lắng (*kích thước dài 3,0m x rộng 2,0m x sâu 2,0m, tại ngăn đầu tiên đặt tấm lót vải thấm lọc dầu*). Nước thải sau đó sẽ được tuần hoàn, tái sử dụng, không xả ra ngoài môi trường.

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải phát sinh từ 02 nhà vệ sinh lưu động được dẫn vào hầm tự hoại đặt dưới nhà vệ sinh, sau đó được lưu giữ trong bồn chứa và định kỳ thuê đơn vị chức năng đem đi xử lý (*không xả ra ngoài môi trường*).

1.1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nước thải thi công: Bố trí 01 hố lắng (*kích thước dài 3,0m x rộng 2,0m x sâu 2,0m, tại ngăn đầu tiên đặt tấm lót vải thấm lọc dầu*). Nước thải sau đó sẽ được tuần hoàn, tái sử dụng, không xả ra ngoài môi trường.

Quy trình xử lý: Nước thải thi công -> Hố thu -> Hố lắng -> Nước thải sau lắng được tái sử dụng để xịt rửa xe hoặc tưới ẩm các tuyến đường trong khu vực dự án, không xả ra ngoài môi trường.

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 02 nhà vệ sinh lưu động (*01 nhà vệ sinh tại phía Bắc, 01 nhà vệ sinh tại phía Nam của Dự án*). Thông số kỹ thuật nhà vệ sinh lưu động như sau:

+ Kích thước tổng thể (dài x rộng x cao) = 6,06m x 2,44m x 2,59m.

+ Bồn chứa nước thải có dung tích 3m³.

+ Dung tích bể nước sạch: 500 lít.

- Quy trình xử lý: Nước thải đầu vào → Bồn chứa → Bộ lọc nước thải thô → định kỳ thuê đơn vị chức năng đem đi xử lý.

1.2. Trong giai đoạn vận hành dự án

1.2.1. Mạng lưới thu gom nước thải

a) Nước mưa chảy tràn

- Nước mưa trên mái tại khu xưởng sản xuất tủ bếp (*khu đất số 01*): Được thu gom qua các phễu thu nước Ø200 có lắp đặt cầu chắn rác vào đường ống uPVC D120 tại các nhà xưởng số 01, 02 và 03, nhà bảo vệ + y tế, nhà xe công nhân, nhà ăn công nhân, nhà vệ sinh, nhà ký túc chuyên gia, sau đó thoát ra hệ thống rãnh thoát nước mưa bề mặt. Hệ thống rãnh thu, thoát nước mưa bề mặt tại khu xưởng sản xuất tủ bếp được thu gom bằng cống bê tông cốt thép đúc sẵn B300-500 và D600 chạy bao quanh với tổng chiều dài khoảng 500m. Trên rãnh bố trí 12 hố thu nước mưa có song chắn rác (*kích thước dài 1,64m x rộng 1,64m, chiều sâu các hố ga thay đổi tùy theo địa hình*). Nước mưa sau đó theo cống thoát nước chảy ra hệ thống thoát nước chung của Khu công nghiệp.

- Nước mưa trên mái tại khu xưởng sản xuất ván lát sàn SPC (*khu đất số 2*): Được thu gom qua các phễu thu nước Ø200 có lắp đặt cầu chắn rác vào đường ống uPVC D120 tại các nhà xưởng số 01 và 02, nhà bảo vệ + y tế, nhà xe công nhân, nhà ăn công nhân, nhà vệ sinh, nhà ký túc chuyên gia, sau đó thoát ra hệ thống rãnh thoát nước mưa bề mặt. Hệ thống rãnh thu, thoát nước mưa bề mặt khu xưởng sản xuất ván lát sàn SPC được thu gom bằng cống bê tông cốt thép đúc sẵn B300-500 và D600 chạy bao quanh với tổng chiều dài khoảng 1.000m. Trên rãnh bố trí 25 hố ga thu nước mưa có song chắn rác (*kích thước dài 1,64m x rộng 1,64m, chiều sâu các hố ga thay đổi tùy theo địa hình*). Nước mưa sau đó theo cống thoát nước đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của Khu công nghiệp.

b) Nước thải sinh hoạt

(i) Mạng lưới thu gom nước thải khu xưởng sản xuất tủ bếp (khu đất số 01):

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ bồn cầu, chậu tiểu: Được thu gom bằng đường ống HDPE D110 về 06 bể tự hoại, dung tích mỗi bể khoảng 10 m³ (*01 bể tại khu vực nhà điều hành, 02 bể tại khu vực nhà vệ sinh công nhân, 01 bể tại khu vực nhà ăn, 01 bể tại khu vực nhà ký túc xá chuyên gia và 01 bể tại khu vực nhà bảo vệ*). Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại theo đường ống HDPE D110-D140 về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung số 01 công suất 06 m³/ngày đêm.

+ Nước thải nhà bếp: Nước thải từ các chậu rửa nhà bếp được thu gom qua song chắn rác chảy qua thiết bị tách dầu mỡ ngay phía dưới bồn rửa sau đó theo đường ống HDPE D110-D140 về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung số 01 công suất 06 m³/ngày đêm.

+ Nước thải chậu rửa, thoát sàn: Nước thải từ các chậu rửa, nước thoát sàn khu WC được thu gom qua song chắn rác sau đó theo đường ống HDPE D110-D140 về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung số 01 công suất 06 m³/ngày đêm.

(ii) Mạng lưới thu gom nước thải khu xưởng sản xuất ván lát sàn SPC (khu đất số 02):

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ bồn cầu, chậu tiểu: Được thu gom bằng đường ống HDPE D110 về 06 bể tự hoại, dung tích mỗi bể khoảng 10 m³ (*01 bể*

tại khu vực nhà điều hành, 02 bể tại khu vực nhà vệ sinh công nhân, 01 bể tại khu vực nhà ăn, 01 bể tại khu vực nhà ký túc xá chuyên gia và 01 bể tại khu vực nhà bảo vệ). Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại theo đường ống HDPE D110-D140 về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung số 02 công suất 06 m³/ngày đêm.

+ Nước thải nhà bếp: Nước thải từ các chậu rửa nhà bếp được thu gom qua song chắn rác chảy qua thiết bị tách dầu mỡ ngay phía dưới bồn rửa sau đó theo đường ống HDPE D110-D140 về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung số 02 công suất 06 m³/ngày đêm.

+ Nước thải chậu rửa, thoát sàn: Nước thải từ các chậu rửa, nước thoát sàn khu WC được thu gom qua song chắn rác sau đó theo đường ống HDPE D110-D140 về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung số 02 công suất 06 m³/ngày đêm.

c) Nước thải sản xuất

- *Mạng lưới thu gom nước thải khu xưởng sản xuất tủ bếp*: Nước thải phát sinh từ hệ thống buồng xử lý bụi phun sơn bằng màng nước được thu gom theo đường ống HDPE D110-D140 (tổng chiều dài khoảng 150m) và 03 hố ga (kích thước dài 0,5m x rộng 0,5m x sâu 0,5m) về hệ thống xử lý nước thải sản xuất số 01 công suất 5 m³/ngày đêm.

- *Mạng lưới thu gom nước thải khu xưởng sản xuất ván lát sàn SPC*: Nước thải xả đáy lò hơi và nước thải từ hệ thống xử lý bụi khí thải lò đốt được thu gom theo đường ống HDPE D110-D140 (tổng chiều dài khoảng 180m) và 03 hố ga (kích thước dài 0,5m x rộng 0,5m x sâu 0,5m) về hệ thống xử lý nước thải sản xuất số 02 công suất 5 m³/ngày đêm.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

a) Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

- Khu xưởng sản xuất tủ bếp:

+ Bể tự hoại: 06 bể tự hoại 03 ngăn, trong đó: 01 bể tại khu vực nhà điều hành, 02 bể tại khu vực nhà vệ sinh công nhân, 01 bể tại khu vực nhà ăn, 01 bể tại khu vực nhà ký túc xá chuyên gia và 01 bể tại khu vực nhà bảo vệ. Kích thước mỗi bể dài 3,79m x rộng 1,76m x sâu 1,5m, dung tích chứa 10m³.

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → ngăn chứa (điều hòa, lắng, phân hủy sinh học) → ngăn lắng (lắng, phân hủy sinh học) → ngăn chứa (lắng, chứa) → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung số 01.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

+ Thiết bị tách dầu mỡ: 03 thiết bị tách dầu mỡ 100l tại khu vực nhà ăn. Kích thước dài 0,7m x rộng 0,42m x sâu 0,4m.

Quy trình xử lý: Nước thải nhà bếp → thiết bị xử lý hợp khối có các ngăn tách (tách dầu mỡ) → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung số 01.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

+ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung số 01 công suất xử lý 06

m³/ngày đêm.

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt (*sau xử lý sơ bộ tại bể tự hoại và thiết bị tách dầu mỡ*) → bể điều hòa → bể Selector → bể SBR → bể khử trùng → bể chứa nước sau xử lý → Tuần hoàn, tái sử dụng phục vụ tưới cây, tưới ẩm đường trong phạm vi dự án, không xả ra ngoài môi trường.

Hóa chất sử dụng: TCCA - Clo khô, Methanol.

- Khu xưởng sản xuất ván lát sàn SPC:

+ Bể tự hoại: 06 bể tự hoại 03 ngăn, trong đó: 01 bể tại khu vực nhà điều hành, 02 bể tại khu vực nhà vệ sinh công nhân, 01 bể tại khu vực nhà ăn, 01 bể tại khu vực nhà ký túc xá chuyên gia và 01 bể tại khu vực nhà bảo vệ. Kích thước mỗi bể dài 3,79m x rộng 1,76m x sâu 1,5m, dung tích chứa 10m³.

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → ngăn chứa (*điều hòa, lắng, phân hủy sinh học*) → ngăn lắng (*lắng, phân hủy sinh học*) → ngăn chứa (*lắng, chứa*) → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung số 02.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

+ Thiết bị tách dầu mỡ: 03 thiết bị tách dầu mỡ 100l, trong đó: 03 thiết bị tại khu vực nhà ăn. Kích thước dài 0,7m x rộng 0,42m x sâu 0,4m.

Quy trình xử lý: Nước thải nhà bếp → Thiết bị xử lý hợp khối có các ngăn tách (tách dầu mỡ) → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung số 02.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

+ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung số 02 công suất xử lý 06 m³/ngày đêm.

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt (*sau xử lý sơ bộ tại bể tự hoại và thiết bị tách dầu mỡ*) → bể điều hòa → bể Selector → bể SBR → bể khử trùng → bể chứa nước sau xử lý → Tuần hoàn, tái sử dụng phục vụ tưới cây, tưới ẩm đường trong phạm vi dự, không xả ra ngoài môi trường.

Hóa chất sử dụng: TCCA – Clo khô, Methanol.

b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất:

- Khu xưởng sản xuất tủ bếp:

+ Hệ thống xử lý nước thải sản xuất số 01 công suất xử lý 05 m³/ngày đêm

Quy trình xử lý: Nước thải sản xuất (*nước thải buồng phun sơn, đập bụi phun sơn màng nước của dây chuyền sản xuất tủ bếp*) → hố thu gom → bể điều chỉnh pH → bể phản ứng → bể tạo bông → bể lắng hóa lý → bể chứa nước sau xử lý → tuần hoàn, tái sử dụng cấp cho hệ thống đập bụi phun sơn màng nước tại buồng phun sơn của dây chuyền sản xuất tủ bếp (*không ra xả ngoài môi trường*).

Hóa chất sử dụng: NaOH, PAC, Polime.

- Khu xưởng sản xuất ván lát sàn SPC:

+ Hệ thống xử lý nước thải sản xuất số 02 công suất xử lý 05 m³/ngày đêm

Quy trình xử lý: Nước thải sản xuất (*nước thải xả đáy lò hơi, nước thải hệ*

thống xử lý bụi khí thải lò đốt của dây chuyền sản xuất ván lát sàn SPC) → hồ thu gom → bể điều chỉnh pH → bể phản ứng → bể tạo bông → bể lắng hóa lý → bể chứa nước sau xử lý → tuần hoàn, tái sử dụng cấp cho hệ thống lò hơi và hệ thống xử lý bụi, khí thải lò đốt của dây chuyền sản xuất ván lát sàn SPC (không ra xả ngoài môi trường).

Hóa chất sử dụng: NaOH, PAC, Polime.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng lắp đặt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 13, điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Xây dựng mạng lưới thu gom nước thải và các công trình xử lý nước thải để thu gom, xử lý tất cả các loại nước thải của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn vận hành đảm bảo các quy định hiện hành. Tuần hoàn toàn bộ nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt trong phạm vi dự án không xả ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư Lâm Phong chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có hành vi xả nước thải ra ngoài môi trường. Trường hợp phát hiện hành vi xả nước thải ra ngoài môi trường phải dừng ngay việc xả nước thải và thực hiện các biện pháp khắc phục để xử lý triệt để ô nhiễm. Chịu trách nhiệm bồi thường, đền bù thiệt hại nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường tại khu vực.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI

1. Trong quá trình thi công xây dựng

- Nguồn phát sinh bụi, khí thải: Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, quá trình vận chuyển.

- Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải: Do không có nguồn điểm nên không xác định.

2. Trong quá trình dự án đi vào hoạt động

2.1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Bụi gỗ phát sinh từ công đoạn mài ván, cắt viên, cưa gỗ, mài mặt, tạo hình đục lỗ (*dây chuyền sản xuất tủ bếp*).

- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn UV (*dây chuyền sản xuất tủ bếp*).

- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn AC (*dây chuyền sản xuất tủ bếp*).

- Nguồn số 04: Bụi đá phát sinh từ công đoạn trộn, cắt, mài (*dây chuyền sản xuất ván lát sàn SPC*).

- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ công đoạn đùn ép (*dây chuyền sản xuất ván lát sàn SPC*).

- Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn UV (*dây chuyền sản xuất ván lát sàn SPC*).

- Nguồn số 07: Khí thải phát sinh từ khu vực lò hơi (*dây chuyền sản xuất ván lát sàn SPC*).

2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.2.1. Vị trí xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiếu 3°)

- Vị trí xả bụi, khí thải số 01 (*tương ứng nguồn số 1*): Ống thải sau hệ thống lọc bụi túi (*dây chuyền sản xuất tủ bếp*). Tọa độ vị trí xả bụi, khí thải: X(m) = 2395754; Y(m) = 518404.

- Vị trí xả bụi, khí thải số 02 (*tương ứng nguồn số 2*): Ống thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn UV (*dây chuyền sản xuất tủ bếp*). Tọa độ vị trí xả bụi, khí thải: X(m) = 2395724; Y(m) = 518462.

- Vị trí xả bụi, khí thải số 03 (*tương ứng nguồn số 3*): Ống thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn AC (*dây chuyền sản xuất tủ*

bếp). Tọa độ vị trí xả bụi, khí thải: X(m) = 2395693; Y(m) = 518347.

- Vị trí xả bụi, khí thải số 04 (*tương ứng nguồn số 4*): Ống thải sau hệ thống xử lý bụi túi (*dây chuyền sản xuất ván lát sàn SPC*). Tọa độ vị trí xả bụi, khí thải: X(m) = 2395939; Y(m) = 518433.

- Vị trí xả bụi, khí thải số 05 (*tương ứng nguồn số 5*): Ống thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn đùn ép (*dây chuyền sản xuất ván lát sàn SPC*). Tọa độ vị trí xả bụi, khí thải: X(m) = 2395939; Y(m) = 518347.

- Vị trí xả bụi, khí thải số 06 (*tương ứng nguồn số 6*): Ống thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn UV (*dây chuyền sản xuất ván lát sàn SPC*). Tọa độ vị trí xả bụi, khí thải: X(m) = 2395877; Y(m) = 518347.

- Vị trí xả bụi, khí thải số 07 (*tương ứng nguồn số 7*): Ống thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực lò hơi (*dây chuyền sản xuất ván lát sàn SPC*). Tọa độ vị trí xả bụi, khí thải: X(m) = 2395877; Y(m) = 518433.

2.2.2. *Lưu lượng xả bụi, khí thải*: Tổng lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất của dự án là 339.640 m³/giờ.

- Vị trí xả thải số 01: Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất 55.800 m³/giờ.

- Vị trí xả thải số 02: Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất 35.280 m³/giờ.

- Vị trí xả thải số 03: Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất 120.000 m³/giờ.

- Vị trí xả thải số 04: Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất 55.800 m³/giờ.

- Vị trí xả thải số 05: Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất 35.280 m³/giờ.

- Vị trí xả thải số 06: Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất 35.280 m³/giờ.

- Vị trí xả thải số 07: Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất 2.200 m³/giờ.

2.2.2.1. *Phương thức xả khí thải*: Liên tục khi hoạt động.

2.2.2.2. *Chất lượng bụi, khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về môi trường của QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B) và QCVN 20:2009/BTNMT (*) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:*

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I. Nguồn phát sinh bụi, khí thải số 01, 04					
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	180		
II. Nguồn phát sinh bụi, khí thải số 02, 03, 05, 06					
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	01 năm/lần	Không thuộc đối tượng
2	Benzen	mg/Nm ³	5*		
3	Toluen	mg/Nm ³	750*		
4	Styren	mg/Nm ³	100*		
III. Nguồn phát sinh bụi, khí thải số 07					

1	Lưu lượng	m ³ /h	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200		
3	CO	mg/Nm ³	1.000		
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		
5	SO ₂	mg/Nm ³	500		

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2032, chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường của dự án phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

1.1. Trong giai đoạn thi công dự án

- Giảm lượng bụi trong thi công: áp dụng các biện pháp giảm lượng bụi đến mức thấp nhất như tưới ẩm, làm đứt điểm từng hạng mục; thực hiện tốt việc quản lý công tác xây dựng và giám sát công trường.

- Các xe chở vật liệu cũng như chất thải đảm bảo chở đúng tải trọng quy định; các phương tiện được kiểm tra định kỳ về nồng độ chất thải mới được phép lưu thông và vận hành trong công trường. Trong quá trình chở vật liệu được phủ bạt kín, thùng xe không coi nói, để không làm rơi vãi vật liệu ra đường giao thông, phát tán bụi ra môi trường, ảnh hưởng đến sinh hoạt của nhân dân.

- Không bố trí thời gian vận chuyển vào giờ cao điểm; Hạn chế hoạt động thi công công trình trước 6 giờ sáng, 12 giờ đến 13 giờ và sau 18 giờ chiều.

- Làm sạch phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu trước khi ra khỏi công trường.

- Bố trí khu tập kết vật tư, chất dễ cháy nổ một cách hợp lý.

- Cung cấp đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc.

- Bố trí đội vệ sinh tại khu vực thi công và tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu để thường xuyên quét dọn khu vực thi công và tuyến đường.

- Tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới đưa vào sử dụng đạt tiêu chuẩn về khí thải đảm bảo môi trường, an toàn kỹ thuật về mức độ an toàn theo quy định của Cục Đăng kiểm.

- Tiến hành kiểm tra thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ các phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị xây dựng hoạt động trên công trường.

- Điều tiết số lượng xe phù hợp với thời gian và tiến độ công việc để tránh làm gia tăng mật độ xe hoạt động trên công trường.

1.2. Giai đoạn hoạt động sản xuất

1.2.1. Mạng lưới thu gom bụi, khí thải

a) Đối với dây chuyền sản xuất tủ bếp:

- Bụi gỗ phát sinh từ các khu vực máy mài, máy cắt viên, máy cưa, máy tạo hình, đục lỗ: Được thu gom qua 14 chụp hút vào hệ thống đường ống dẫn D125-

140mm, D300-400 và D500-600 về hệ thống lọc bụi túi vải. Tại hệ thống lọc bụi túi vải các hạt bụi sẽ được giữ lại trên bề mặt túi lọc và định kỳ tự động rung giữ rơi xuống đáy hệ thống xử lý và được xả ra ngoài qua vít tải, bụi sau đó được công nhân thu gom đưa về khu tập kết chất thải rắn sản xuất và sử dụng làm nguyên liệu cho lò đốt. Khí sạch được thải ra ngoài qua ống thoát khí đường kính D300, chiều cao tối thiểu 10m.

- Khí thải phát sinh từ khu vực phun sơn AC và UV:

+ Khí thải phát sinh từ khu vực phun sơn UV được thu gom qua chụp hút vào đường ống dẫn D125-140mm và D300mm về hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính. Tại tháp hấp phụ, các chất ô nhiễm trong khí thải sẽ bị hấp phụ vào lớp vật liệu hấp phụ than hoạt tính. Khí sạch sau xử lý thải ra môi trường qua ống thoát khí đường kính D300, chiều cao tối thiểu 10m. Lớp vật liệu hấp phụ định kỳ được thay thế và thu gom đưa về kho lưu giữ chất thải nguy hại và thuê đơn vị thu gom, xử lý theo quy định.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực phun sơn AC được thu gom qua 02 buồng phun sơn màng nước để dập bụi sơn, sau đó dẫn về hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính. Tại tháp hấp phụ, các chất ô nhiễm trong khí thải sẽ bị hấp phụ vào lớp vật liệu hấp phụ than hoạt tính. Khí sạch sau xử lý thải ra môi trường qua ống thoát khí đường kính D300, chiều cao 9,5m. Nước thải tại buồng phun sơn màng nước theo đường ống thu gom về hệ thống xử lý nước thải sản xuất số 01 công suất 5m³/ngày đêm, sau đó tuần hoàn về buồng phun sơn màng nước để tái sử dụng. Bùn cặn tại buồng phun sơn màng nước, lớp vật liệu hấp phụ định kỳ được thay thế và thu gom đưa về kho lưu giữ chất thải nguy hại và thuê đơn vị thu gom, xử lý theo quy định.

b) Đối với dây chuyền sản xuất ván lát sàn SPC:

- Bụi đá phát sinh từ các khu vực máy trộn, máy cắt, máy mài được thu gom qua 10 chụp hút vào hệ thống đường ống dẫn D125-140mm, D300-400 và D500-600 về hệ thống lọc bụi túi vải. Tại hệ thống lọc bụi túi vải các hạt bụi sẽ được giữ lại trên bề mặt túi lọc và định kỳ tự động rung giữ rơi xuống đáy hệ thống xử lý và được xả ra ngoài qua vít tải, bụi sau đó được công nhân thu gom đưa về khu tập kết chất thải rắn sản xuất và sử dụng làm nguyên liệu cho lò đốt. Khí sạch được thải ra ngoài qua ống thoát khí đường kính D300, chiều cao tối thiểu 10m.

- Khí thải phát sinh từ khu vực đèn ép được thu gom qua 04 chụp hút vào đường ống dẫn D125-140mm và D300mm về hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính. Tại tháp hấp phụ, các chất ô nhiễm trong khí thải sẽ bị hấp phụ vào lớp vật liệu hấp phụ than hoạt tính. Khí sạch sau xử lý thải ra môi trường qua ống thoát khí đường kính D300, chiều cao tối thiểu 10m. Lớp vật liệu hấp phụ định kỳ được thay thế và thu gom đưa về kho lưu giữ chất thải nguy hại và thuê đơn vị thu gom, xử lý theo quy định.

- Khí thải phát sinh từ khu vực phun sơn UV được thu gom qua 04 chụp hút vào đường ống dẫn D125-140mm và D300mm về hệ thống hấp phụ bằng than hoạt tính. Tại tháp hấp phụ, các chất ô nhiễm trong khí thải sẽ bị hấp phụ vào lớp vật liệu hấp phụ than hoạt tính. Khí sạch sau xử lý thải ra môi trường qua ống thoát khí đường kính D300, chiều cao tối thiểu 10m. Lớp vật liệu hấp phụ định kỳ được thay thế và thu gom đưa về kho lưu giữ chất thải nguy hại và thuê đơn vị thu gom, xử lý theo quy định.

- Bụi, khí thải phát sinh từ lò đốt theo đường ống D300 thu gom về Cyclone, tại đây bụi theo các chuyển động xoáy tròn rơi xuống đáy và được định kỳ tự động xả đáy. Sau đó, bụi, khí thải tiếp tục được đưa qua tháp hấp phụ bằng dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$, tro xỉ được giữ lại và lắng xuống đáy. Khí sạch sau xử lý thải ra môi trường qua ống thoát khí đường kính D300, chiều cao tối thiểu 10m. Bụi từ Cyclone được công nhân thu gom, đóng bao đưa về kho lưu giữ chất thải rắn sản xuất.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

a) Dây chuyền sản xuất tủ bếp:

- Công trình xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài, cắt viên, cưa, tạo hình đục lỗ: 01 hệ thống lọc bụi túi vải, túi lọc vải đường kính D135mm, dài 3.000mm, kết cấu thân lọc bụi hộp được ghép bằng tôn mạ kẽm dày 2mm, kích thước lắp đặt: 6.800mm(L) * 2.200mm(W) * 8.870mm(H); 01 quạt hút công suất 55.800 m³/giờ; Ống thoát khí thải đường kính D30, chiều cao tối thiểu 10m.

+ Quy trình xử lý: Bụi gỗ phát sinh → Chụp hút → Đường ống thu gom → Hệ thống lọc bụi → Quạt hút → Ống thoát bụi, khí thải → Môi trường.

+ Hóa chất sử dụng: Không

+ Vật liệu sử dụng: Túi vải lọc bụi Polyester.

- Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn AC: 02 buồng phun sơn màng nước; 06 quạt hút công suất 20.000 m³/giờ (mỗi buồng 03 quạt hút); 01 tháp hấp phụ bằng than hoạt tính; Ống thoát khí thải đường kính D300mm, chiều cao tối thiểu 10m.

+ Quy trình xử lý: Bụi sơn, khí thải hữu cơ → Buồng phun sơn màng nước → Quạt hút → Tháp hấp phụ → Ống thoát bụi, khí thải → Môi trường.

+ Hóa chất sử dụng: Không.

+ Vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

- Công trình, thiết bị xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn UV: 01 tháp hấp phụ bằng than hoạt tính; 01 quạt hút công suất 35.280 m³/giờ; Ống thoát khí thải đường kính D300, chiều cao tối thiểu 10m.

+ Quy trình xử lý: Khí thải hữu cơ → Chụp hút → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thoát khí thải → Môi trường.

+ Hóa chất sử dụng: Không.

+ Vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

b) Dây chuyền sản xuất ván lát sàn SPC:

- Công trình, thiết bị xử lý bụi đá phát sinh từ công đoạn trộn, cắt, mài: 01 hệ thống lọc bụi túi vải, túi vải lọc bụi đường kính D135mm, dài 3.000mm, kết cấu thân lọc bụi hộp được ghép bằng tôn mạ kẽm dày 2mm, kích thước lắp đặt 6800mm(L) * 2200mm(W) * 8870mm(H); 01 quạt hút công suất 55.800m³/giờ; Ống thoát khí thải đường kính D300mm, chiều cao tối thiểu 10m.

+ Quy trình xử lý: Bụi đá phát sinh → Chụp hút → Đường ống thu gom → Hệ thống lọc bụi → Quạt hút → Ống thoát bụi, khí thải → Môi trường.

+ Hóa chất sử dụng: Không

+ Vật liệu sử dụng: Túi vải lọc bụi Polyester.

- Công trình, thiết bị xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn đùn ép: 01 tháp hấp phụ bằng than hoạt tính; 01 quạt hút công suất 35.280 m³/giờ; Ống thoát khí thải đường kính D300, chiều cao tối thiểu 10m.

+ Quy trình xử lý: Khí thải hữu cơ → Chụp hút → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thoát khí thải → Môi trường.

+ Hóa chất sử dụng: Không

+ Vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

- Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn UV (*dây chuyền sản xuất ván lát sàn SPC*):

+ Công trình, thiết bị xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn UV: 01 tháp hấp phụ bằng than hoạt tính; 01 quạt hút 35.280 m³/giờ; Ống thoát khí thải đường kính D300, chiều cao tối thiểu 10m.

+ Quy trình xử lý: Khí thải → Chụp hút → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thoát khí thải → Môi trường.

+ Hóa chất sử dụng: Không

+ Vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

- Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải phát sinh từ khu vực lò hơi: 01 Cyclone; 01 tháp hấp thụ; 01 quạt hút công suất 2.200 m³/giờ; Ống thoát khí thải đường kính D300mm, chiều cao tối thiểu 10m.

+ Quy trình xử lý: Bụi, khí thải → Cyclone → Tháp hấp thụ → Quạt hút → Ống thoát bụi, khí thải → Môi trường.

+ Hóa chất sử dụng: dung dịch Ca(OH)₂

+ Vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó với sự cố

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ công trình xử lý bụi, khí thải để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo bụi, khí thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường

- Tuân thủ quy trình vận hành máy móc, thiết bị; tập huấn cho công nhân về việc phòng ngừa, ứng phó sự cố; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị máy móc; bố trí các thiết bị dự phòng để kịp thời thay thế khi xảy ra sự cố.

- Định kỳ hàng năm thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng, thiết bị, máy móc đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, dừng ngay hoạt động sản xuất để nhanh chóng tìm nguyên nhân, sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn thông báo cho các cơ quan liên quan để được hướng dẫn giải quyết.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Không quá 06 tháng sau khi hoàn thành các công trình xử lý chất thải, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Dây chuyền sản xuất tủ bếp: Hệ thống lọc bụi gỗ phát sinh từ công đoạn mài ván, cắt viền, cửa gỗ, mài mặt, tạo hình đục lỗ; Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn AC; Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn UV.

- Dây chuyền sản xuất ván lát sàn SPC: Hệ thống lọc bụi phát sinh từ công đoạn trộn, cắt, mài; Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn đùn ép; Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn UV; Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực lò hơi.

a) Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí xả thải số 01: Dòng khí thải sau hệ thống lọc bụi gỗ phát sinh từ công đoạn mài ván, cắt viền, cửa gỗ, mài mặt, tạo hình đục lỗ (*dây chuyền sản xuất tủ bếp*).

- Vị trí xả thải số 02: Tại ống thoát khí thải sau Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn UV (*dây chuyền sản xuất tủ bếp*).

- Vị trí xả thải số 03: Tại ống thoát khí thải sau Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn AC (*dây chuyền sản xuất tủ bếp*).

- Vị trí xả thải số 04: Tại ống thoát khí thải sau Hệ thống lọc bụi đá phát sinh từ công đoạn trộn, cắt, mài (*dây chuyền sản xuất ván lát sàn SPC*).

- Vị trí xả thải số 05: Tại ống thoát khí thải sau Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn đùn ép (*dây chuyền sản xuất ván lát sàn SPC*).

- Vị trí xả thải số 06: Tại ống thoát khí thải sau Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn UV (*dây chuyền sản xuất ván lát sàn SPC*).

- Vị trí xả thải số 07: Tại ống thoát khí thải sau Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực lò hơi (*dây chuyền sản xuất ván lát sàn SPC*).

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ đầu tư phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2.2.2 Phần A Phụ lục này.

c) *Tần suất lấy mẫu*: Tuân thủ theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (*nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường*) được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và môi trường. Việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải (03 mẫu bụi, khí thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công, giai đoạn vận hành của dự án bảo đảm đáp ứng quy định tại Phần A, B Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.4. Công ty TNHH Sản xuất và Đầu tư Lâm Phong chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này. Trường hợp phát hiện các thông số ô nhiễm vượt quá giới hạn cho phép phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải và thực hiện các biện pháp khắc phục để xử lý triệt để ô nhiễm. Chịu trách nhiệm bồi thường, đền bù thiệt hại nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường tại khu vực.

PHỤ LỤC 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Trong giai đoạn thi công dự án

1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Từ các phương tiện, máy móc trong quá trình thi công dự án.
- Nguồn số 2: Từ các phương tiện trong quá trình thi công dự án; Hoạt động thi công xây dựng.

1.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Trong phạm vi triển khai thi công thực hiện dự án.

1.3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2027, tiếng ồn, độ rung phát sinh tại Dự án đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và theo quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

2. Trong quá trình dự án đi vào hoạt động

2.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Từ các hoạt động của các loại máy móc thiết bị chính như: Máy xếp ván, Máy mài ván, Máy cắt viên, Máy cưa gỗ, Máy mài mặt, Máy tạo hình, đục lỗ, Dây chuyền phun sơn tự động, Máy nén khí của 02 dây chuyền sản xuất tủ bếp.

- Nguồn số 2: Từ các hoạt động của các loại máy móc thiết bị chính như: Máy trộn, Hệ thống máy đùn ép, Máy đập nổi, Máy phủ UV, Máy cắt, Máy mài của 04 dây chuyền sản xuất ván lát sàn SPC.

- Các hệ thống xử lý nước thải:
 - + Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt số 01.
 - + Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt số 02.
 - + Hệ thống xử lý nước thải sản xuất số 01.
 - + Hệ thống xử lý nước thải sản xuất số 02.
- Các hệ thống xử lý bụi, khí thải:
 - + Hệ thống lọc bụi gỗ phát sinh từ công đoạn mài ván, cắt viên, cưa gỗ, mài mặt, tạo hình đục lỗ (*dây chuyền sản xuất tủ bếp*).
 - + Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn AC (*dây chuyền sản xuất tủ bếp*).
 - + Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn UV (*dây chuyền sản xuất tủ bếp*).
 - + Hệ thống lọc bụi đá phát sinh từ công đoạn trộn, cắt, mài (*dây chuyền sản xuất ván lát sàn SPC*).
 - + Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn đùn ép (*dây chuyền sản xuất ván lát sàn SPC*).
 - + Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn phun sơn UV (*dây chuyền sản xuất ván lát sàn SPC*).
 - + Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực lò hơi (*dây chuyền sản xuất ván lát sàn SPC*).

- Khu vực máy phát điện số 01.

- Khu vực máy phát điện số 02.

2.2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

- Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2027, tiếng ồn, độ rung phát sinh tại Dự án đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và theo quy định tại QCVN 26:2025/BNNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Tính toán, lựa chọn các thiết bị thi công có mức ồn thấp, chọn vị trí đặt thiết bị gây ồn phù hợp sao cho giá trị mức ồn không cộng hưởng.
- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy đến mức thấp nhất.
- Bảo trì máy móc thiết bị và phương tiện định kỳ 3 tháng/lần trong thời gian thi công.
- Công nhân thi công tại công trường sẽ được trang bị loại bảo hộ lao động.
- Lựa chọn nhà thầu có uy tín có chuyên môn cao thi công từng hạng mục, sử dụng phương pháp và thiết bị xây dựng hiện đại;
- Thiết bị thi công được bảo dưỡng, bảo trì thường xuyên;
- Khắc phục tiếng ồn và rung động với kế hoạch thi công hợp lý, các thiết bị thi công gây tiếng ồn lớn.
- Tất cả các phương tiện và máy móc phải được đăng ký chất lượng trước khi đưa vào sử dụng.
- Xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, hạn chế hoạt động đồng thời các máy móc, thiết bị xây dựng.

1.2. Giai đoạn hoạt động

- Lập nội quy ra/vào khu vực, hạn chế sự lưu thông của các phương tiện vận tải có tải trọng lớn.
- Bố trí các biển cảnh báo, hướng dẫn để người ra, vào khu vực dự án hạn chế bóp còi xe cơ giới từ 22h đêm ngày hôm trước đến 6h sáng ngày hôm sau.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án để giảm tiếng ồn phát ra khu vực xung quanh.
- Có kế hoạch kiểm soát và bảo dưỡng máy móc định kỳ để đảm bảo năng lực tốt trong suốt quá trình vận hành.

2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của dự án, đảm bảo đạt các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường.
- Thường xuyên theo dõi và bảo dưỡng máy móc thiết bị, kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ tra mỡ bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.
- Thường xuyên theo dõi các tác động ảnh hưởng do tiếng ồn, độ rung đến môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh khu vực.
- Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền giải quyết kịp thời kiến nghị phản ánh về tiếng ồn, độ rung do tác động của dự án gây ra.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Trong quá trình thi công xây dựng

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Giẻ lau dính dầu mỡ, vải dính dầu, tấm vải lọc dầu	18 02 01	120
2	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	9
3	Vỏ hộp sơn	18 01 02	168
4	Dầu mỡ thải	15 01 07	305
5	Que hàn, xỉ hàn	07 04 01	43,5
	Tổng		645,5

b) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh
1	Vật liệu rơi vãi, phế thải, vỏ bao xi măng, gạch vỡ, ...	830,23 tấn/giai đoạn
4	Chất thải sinh hoạt	24 kg/ngày

1.2. Trong giai đoạn vận hành dự án

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại	07 03 10	240
2	Cặn sơn thải	08 01 01	2.500
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	13 01 06	80
4	Than hoạt tính thải từ hệ thống xử lý khí thải	18 02 01	1.920
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại (vỏ hộp sơn, hộp đựng dầu mỡ...)	18 01 02	50
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 02 01	12.500
7	Dầu động cơ tổng hợp thải	17 02 03	50
8	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá	12 02 02	6.800

	trình xử lý hóa-lý (01 hệ thống xử lý khí thải lò hơi và 02 hệ thống xử lý nước thải sản xuất)		
9	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẫu, gỗ thừa, ván và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại	09 01 01	410.000
	Tổng		434.140

b) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Găng tay bảo hộ lao động không dính thành phần nguy hại	2.000 kg/năm
2	Bao bì nhựa, carton thải không chứa thành phần nguy hại	5.000 kg/năm
3	Đá vụn, bụi đá	1.650.000 kg/năm
4	Bùn cặn bề tự hoại	2.600 kg/năm
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	1.600 kg/năm
6	Bùn cặn nạo vét của hệ thống thoát nước mưa	2.500 kg/năm
7	Sinh khối thực vật (cắt tỉa cây xanh)	2.000 kg/năm
8	Găng tay bảo hộ lao động không dính thành phần nguy hại	2.000 kg/năm
9	Chất thải sinh hoạt	36 kg/ngày

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

a) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH):

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 05 thùng chứa dung tích 120 lít chuyên dùng để lưu chứa chất thải nguy hại.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: Diện tích 12m².

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

- Định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định.

b) Đối với chất thải rắn xây dựng và đất đá thải từ quá trình thi công

- Bố trí xe tải vận chuyển chất thải rắn xây dựng, nguyên vật liệu từ quá trình thi công xây dựng, xe vận chuyển được phủ bạt che chắn đảm bảo không gây phát tán bụi, rơi vãi chất thải ra đường.

- Đối với đất đá thải: Thực hiện công tác quản lý chất thải rắn theo đúng quy định, trường hợp có phát sinh đổ đất đá thải yêu cầu phải đổ đúng địa điểm đã được thông báo giới thiệu của cơ quan có thẩm quyền; đồng thời thực hiện các quy định pháp luật khác có liên quan.

c) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 06 thùng chứa rác chuyên dụng có nắp đậy dung tích 100 lít để thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt;
- Khu vực lưu chứa: Bố trí tại các vị trí trong khu vực thi công cho phù hợp.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải phát sinh đảm bảo theo quy định.

2.2. Trong giai đoạn vận hành

b) Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH):

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 09 thùng chứa dung tích 120 lít chuyên dùng để lưu chứa chất thải nguy hại.
- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại 02 kho có diện tích 25m²/kho.
- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.
- Định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định.
- Chỉ được lưu giữ chất thải nguy hại không quá 01 năm, kể từ thời điểm phát sinh. Trường hợp lưu giữ quá thời hạn nêu trên do chưa có phương án vận chuyển, xử lý khả thi hoặc chưa tìm được cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phù hợp thì phải báo cáo về việc lưu giữ chất thải nguy hại tại dự án phát sinh gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường bằng văn bản riêng hoặc kết hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

a) Thiết bị lưu chứa: Bố trí 02 kho chứa chất thải.

b) Khu vực lưu chứa:

- Điểm tập kết chất thải rắn công nghiệp thông thường: 02 kho chứa chất thải rắn diện tích 100m²/kho để lưu giữ trước khi chuyển giao.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

a) Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa rác thải loại 100 lít tại các nhà xưởng, khu vực văn phòng, nhà ăn.

b) Khu vực lưu chứa:

- Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt: 02 kho chứa có diện tích là 25m²/kho.

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải phát sinh đảm bảo theo quy định (tần suất 1 lần/ngày).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ, rò rỉ hóa chất, sự cố hệ thống lưu giữ chất thải và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường được cấp phép; tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt lưu ý tuân thủ các yêu cầu cụ thể sau:

1. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho dự án, Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung Giấy phép môi trường được cấp.

2. Thiết kế xây dựng của Dự án, bao gồm các công trình bảo vệ môi trường phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, quy mô xây dựng của dự án (trong thuyết minh Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các văn bản liên quan) phải phù hợp với quy mô được xác định trong chủ trương đầu tư của dự án; Chủ đầu tư dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai dự án.

3. Tổ chức thi công xây dựng theo đúng tọa độ, ranh giới, diện tích được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

4. Xây dựng mạng lưới thu gom, thoát nước thải và các công trình xử lý nước thải để thu gom, xử lý tất cả các loại nước thải của dự án đảm bảo theo quy định.

5. Thực hiện quản lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện dự án (*chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại...*) đảm bảo theo quy định.

6. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố ảnh hưởng đến chất lượng môi trường (*đặc biệt là đến môi trường, cuộc sống của người dân xung quanh khu vực*), Chủ đầu tư dự án phải tổ chức kịp thời hoạt động ứng cứu, khắc phục sự cố, thông báo khẩn cấp cho chính quyền địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan có liên quan để chỉ đạo và phối hợp xử lý. Chủ đầu tư dự án phải đền bù thiệt hại, bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường khi xảy ra sự cố có liên

quan đến hoạt động của Dự án.

8. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với dự án.

10. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường*); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu./.